

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2025

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Yên

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 1 - N.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Minh G, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà 23, ngõ 43, đường K, phố P, phường H, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Bùi Hữu L, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà 23, ngõ 43, đường K, phố P, phường H, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: chị G, anh L vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Hữu L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2010 tại UBND phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng càng về sau mâu thuẫn phát sinh giữa hai vợ chồng càng lớn. Anh L thiếu trách nhiệm với vợ con, không cùng chị chăm lo con cái, một mình chị phải gánh vác gia đình và kinh tế nuôi dạy con cái. Hai vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù sống chung nhà nhưng đã ly thân từ rất lâu, không quan hệ, quan tâm tình cảm với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: chị và anh L có 03 con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi N, sinh ngày 21/3/2011, cháu Bùi Nguyễn Tuệ N1, sinh ngày 04/11/2012 và cháu Bùi Nguyên B, sinh ngày 19/4/2022. Hiện nay các cháu đều đang do tôi trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: chị và anh L không có, không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh L không đến làm việc và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại. Bị đơn không đến Tòa án làm việc là không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147, điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh G.

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Minh G được ly hôn với anh Bùi Hữu L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh G được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Khôi N sinh ngày 21/3/2011, cháu Bùi Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 04/11/2012 và cháu Bùi Nguyên B sinh ngày 19/4/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí ly hôn: chị Nguyễn Thị Minh G phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Ninh Bình) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002497 ngày 18/02/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh L cư trú tại phố P, phường H, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh G và anh Bùi Hữu L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010 tại UBND phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G là do anh L thiếu trách nhiệm với vợ con, hay chời bời, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến nay chị không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không thể hàn gắn được và đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã ký nhận các thông báo cũng như giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị G. Trưởng phố P cung cấp anh L và chị G vẫn đang chung sống tại địa chỉ số 23, ngõ 43, đường K. Chị G trình bày vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai nữa. Việc anh L biết được việc chị G yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với mình nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị G cho thấy anh L cũng không có thiện chí và nhu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị G với anh L và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: chị G và anh L có ba con chung là cháu Bùi Nguyễn Khôi N sinh ngày 21/3/2011, cháu Bùi Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 04/11/2012 và cháu Bùi Nguyễn B sinh ngày 19/4/2022. Khi ly hôn chị G đề nghị được nuôi cả 03 cháu, cháu N và cháu Tuệ N1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu B còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Chị G trình bày anh L có thói quen sử dụng các chất gây nghiện đến nay chưa có dấu hiệu chấm dứt, thói quen này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, khả năng lao động cũng như hành vi và tâm lý của anh L, từ đó đe dọa đến sự an toàn và môi trường sống ở của các con, thực tế trong gia đình chị đã từng xảy ra hành vi mất kiểm soát, bạo lực do ảnh hưởng của việc sử dụng chất nghiện của anh L. Do vậy để đảm bảo môi trường sinh hoạt, học tập, phát triển ổn định cho các cháu, chị G cũng đủ khả năng, điều

kiện nuôi dưỡng các con nên cần giao các cháu Khôi N, Tuệ N1, Nguyên B cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.**

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã giải thích cho chị G quy định của pháp luật về trách nhiệm cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của con, tuy nhiên chị G xác định chị đi làm giáo viên mầm non có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của ông bà ngoại và người thân, chị có đủ điều kiện nuôi con nên không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đề nghị của chị G là tự nguyện, không trái quy định. Do vậy anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản, công nợ chung: chị G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung không yêu cầu giải quyết, quá trình Tòa án giải quyết anh L không có ý kiến gì về tài sản, công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh G phải chịu án phí đối với vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh G đối với anh Bùi Hữu L.

1. Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Minh G ly hôn anh Bùi Hữu L (quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh G được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Khôi N sinh ngày 21/3/2011, cháu Bùi Nguyễn Tuệ N1 sinh ngày 04/11/2012 và cháu Bùi Nguyên B sinh ngày 19/4/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị G trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh L không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Minh G phải chịu 300.000^d. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002497** ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Ninh Bình (nay là phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - N).

5. Quyền kháng cáo: chị G, anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 - N;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường H, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình